

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 6 năm 2017

Kính gửi: Vụ Kế hoạch – Tài chính (Bộ Tư pháp).

Thực hiện Thông tư 04/2016/TT-BTP ngày 03/03/2016 về hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp Khánh Hòa thuyết minh về báo cáo thống kê kỳ báo cáo 06 tháng năm 2017 như sau:

1. Tình hình lập báo cáo thống kê

Tổng số biểu báo cáo Sở lập theo quy định: **17/17** biểu, cụ thể:

1	01c/BTP/VĐC/XDPL	Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được soạn thảo, ban hành trên địa bàn tỉnh; Số dự thảo VBQPPL do cơ quan tư pháp trên địa bàn tỉnh thẩm định
2	03c/BTP/KTrVB/TKT	Kết quả tự kiểm tra, xử lý văn bản trên địa bàn tỉnh
3	04b/BTP/KTrVB/KTTTQ	Kết quả kiểm tra, xử lý văn bản theo thẩm quyền trên địa bàn tỉnh
4	10b/BTP/PBGDPL	Kết quả thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh
5	12d/BTP/PBGDPL/HGCS	Kết quả hoạt động của tổ hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh
6	13c/BTP/HTQTCT/HT	Kết quả đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn trên địa bàn tỉnh
7	17c/BTP/HTQTCT/CT	Kết quả chứng thực của UBND cấp xã và Phòng Tư pháp trên địa bàn tỉnh
8	19/BTP/LLTP	Số phiếu lý lịch tư pháp đã cấp
9	20a/BTP/LLTP	Số lượng thông tin lý lịch tư pháp nhận được và xử lý của Sở Tư pháp
10	21/BTP/LLTP	Số người có lý lịch tư pháp
11	22c/BTP/CN/TN	Kết quả đăng ký nuôi con nuôi trong nước tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh

12	23b/BTP/ĐKQGGDBĐ	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về GDBĐ bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
13	24/BTP/TGPL	Số lượt người được trợ giúp pháp lý
14	25/BTP/TGPL	Số vụ việc trợ giúp pháp lý
15	28c/BTP/BTTP/ĐGTS	Tình hình tổ chức và hoạt động bán đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh
16	30/BTP/BTTP/LSTN	Tình hình tổ chức và hoạt động của luật sư
17	31/BTP/BTTP/CC	Tình hình tổ chức và hoạt động công chứng

2. Những báo cáo thống kê Sở có trách nhiệm báo cáo trong kỳ nhưng do không phát sinh số liệu nên Sở không lập biểu: không

3. Những vấn đề cần thuyết minh để làm rõ hơn về nội dung số liệu thống kê trong một số biểu mẫu báo cáo:

- Biểu 10b/BTP/PBGDPL: tại cột số 3, Sở Tư pháp và các huyện có triển khai tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Luật Hôn nhân và gia đình” nhưng chưa đưa vào kỳ báo cáo này, do cuộc thi chưa kết thúc nên chưa tổng kết được số lượt người tham gia.

- 17c/BTP/HTQTCT/CT: tại cột 7, của huyện Vạn Ninh có 966 việc chứng thực hợp đồng, giao dịch do UBND cấp xã chứng thực miễn thu phí theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

(kèm 17 biểu mẫu)./ *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (vbđt);
- Cục Công tác phía Nam – Bộ Tư pháp;
- Cục Thống kê (vbđt);
- UBND cấp huyện (vbđt);
- Phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp có liên quan;
- Lưu: VT, VP (Ta).



GIÁM ĐỐC

Handwritten signature
Lê Văn Hạ

Biểu số: 28c/BTP/BTTP/ĐGTS
Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):
BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm
BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN (ĐDGT) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (Năm 2017)

Kỳ báo cáo: 6 tháng
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017)

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

	Số tổ chức bán đấu giá tài sản (Tổ chức)			Tổng số đấu giá viên (Người)	Tổng số hợp đồng đã ký (Hợp đồng)	Số cuộc bán đấu giá đã thực hiện (Cuộc)		Giá của tài sản bán đấu giá (Đồng)		Tổng số phí tham gia đấu giá (Đồng)	Tổng số phí đấu giá thu được (Đồng)	Tiền đặt trước trong trường hợp không được trả lại theo quy định pháp luật (nếu có) (Đồng)	Tổng số tiền nộp ngân sách theo quy định (Đồng)
	Tổng số	Chia ra				Tổng số	Số cuộc bán đấu giá thành	Giá khởi điểm	Giá bán				
		Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp	Hội đồng ĐDGT										
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Tổng số	5	5	0	18	109	149	86	150,457,981,979	170,294,642,624	132,020,000	1,052,056,615	0	91,147,686
1. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản (ĐDGT)	1	1	0	3	26	24	24	35,936,087,022	49,774,824,000	14,820,000	166,632,060	0	0
2. Doanh nghiệp ĐDGT	4	4	0	15	83	125	62	114,521,894,957	120,519,818,624	117,200,000	885,424,555	0	91,147,686
3. Hội đồng ĐDGT trong trường hợp đặc biệt do cấp huyện thành lập		-		-									
4. Hội đồng ĐDGT trong trường hợp đặc biệt do cấp tỉnh thành lập		-		-									

- Các cột từ (1) đến (4) không phải báo cáo trong kỳ báo cáo 6 tháng;
- Về số liệu ước tính:
+ Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;
+ Số liệu ước tính Cột 6: 30 ; Cột 7: 17 ; Cột 10: 26,404,000 ; Cột 11: 210,411,323 ; Cột 13: 18,229,537,2

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Thụy Ý Uyên

Lý Thụy Ý Uyên

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Đào Đức Thắng

Đào Đức Thắng



ngày 23 tháng 6 năm 2017

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Lê Văn Hạ

Lê Văn Hạ

Biểu số: 31/BTP/BTTP/CC

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

Sở Tư pháp nhận:

BC 6 tháng: ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Bộ Tư pháp (Vụ KHTC) nhận:

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG CHỨNG
(Năm 2017)

Kỳ báo cáo: 6 tháng
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017)

Đơn vị báo cáo:

- Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tư pháp (Vụ KHTC): nhận báo cáo của Sở Tư pháp

Số tổ chức hành nghề công chứng (tổ chức)	Số công chứng viên (người)		Tổng số việc đã công chứng, chứng thực												
			Số việc công chứng							Số việc chứng thực					
			Tổng số (việc)	Chia ra		Tổng số thu lao công chứng (đồng)	Tổng số phí công chứng (đồng)	Tổng số tiền nộp vào ngân sách/thuế (đồng)	Chứng thực bản sao			Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản			
				Công chứng hợp đồng, giao dịch (việc)	Công chứng bản dịch và các loại việc khác				Số bản sao (bản sao)	Phí chứng thực bản sao (đồng)	Tổng số tiền nộp vào ngân sách/thuế (đồng)	Số việc (việc)	Phí chứng thực chữ ký (đồng)	Tổng số tiền nộp vào ngân sách/thuế (đồng)	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng số	12	26	22	42,106	40,872	1,234	499,009,000	14,334,116,020	2,580,120,411	50,465	350,259,421	47,093,052	1,599	15,990,000	2,019,383
Phòng CC	1	3		4,175	3,195	980	0	2,144,347,000	536,086,750	2,300	68,492,000	17,123,000	91	910,000	227,500
Văn phòng CC	11	23	22	37,931	37,677	254	499,009,000	12,189,769,020	2,044,033,661	48,165	281,767,421	29,970,052	1,508	15,080,000	1,791,883

- Các phòng công chứng, văn phòng công chứng báo cáo từ cột (2) đến cột (15); các Sở tư pháp báo cáo tất cả các cột trong biểu này;

- Về số liệu ước tính:

+ Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

+ Số liệu ước tính

Số việc công chứng: Cột 4: 8,421 việc; Cột 8: 2,866,823,204 đồng; Cột 9: 516,024,082 đồng

Chứng thực bản sao: Cột 10: 10,093 bản sao; Cột 11: 70,051,884 đồng; Cột 12: 9,418,610 đồng

Chứng thực Chữ ký: Cột 13: 319.8 bản sao; Cột 14: 3,198,000 đồng; Cột 15: 403,876 đồng;

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Thụy Ý Uyên

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Đào Đức Thắng



Biểu số: 30/BTP/BTTP/LSTN
Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

Sở Tư pháp nhận:

BC 6 tháng: ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Bộ Tư pháp (Vụ KHTC) nhận:

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
LUẬT SƯ
(Năm 2017)**

Kỳ báo cáo: 6 Tháng
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
đến ngày 31 tháng 05 năm 2017)

Đơn vị báo cáo:

- Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính) nhận báo cáo của Sở Tư pháp

	Số tổ chức hành nghề luật sư (tổ chức)	Số luật sư hành nghề tại địa phương (người)	Số việc thực hiện xong (việc)					Doanh thu (đồng)	
			Tổng số	Chia ra		Số việc tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý khác	Trợ giúp pháp lý	Tổng số	Nộp thuế
				Tổng số	Trong đó: số việc về hình sự				
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng số	26	66	734	175	73	319	240	1,260,649,000	105,899,051
Văn phòng Luật sư	22	58	679	144	49	309	226	1,210,649,000	104,399,051
Công ty luật	4	8	55	31	24	10	14	50,000,000	1,500,000

- Văn phòng Luật sư, công ty luật báo cáo từ cột (2) đến cột (9) của biểu này; Sở Tư pháp báo cáo tất cả các cột trong biểu này.

- Về số liệu ước tính

+ Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

+ Công ty luật/Văn phòng Luật sư ước tính các cột 3, 8 và 9; Sở Tư pháp ước tính các cột 1, 3, 8 và 9;

+ Số liệu ước tính Cột 1: 5.2 ; Cột 3: 146.8 ; Cột 8: 252,129,800 ; Cột 9: 21,179,810

- Đối với Sở Tư pháp cần ghi rõ:

+ Số liệu trong báo cáo này được tổng hợp từ báo cáo của 26/26 số tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp.

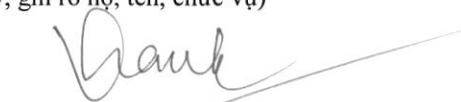
+ Theo quản lý của Sở Tư pháp, số luật sư là thành viên của Đoàn luật sư địa phương là 66 luật sư.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Lý Thụy Ý Uyên

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Đào Đức Thắng



ngày 23 tháng 6 năm 2017

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Hạ

Biểu số: 24/BTP/TGPL

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/03/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

Sở Tư pháp nhận:

- BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm

- BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm

SỐ LƯỢT NGƯỜI ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (TGPL)

(Năm 2017)

Kỳ báo cáo: 6 Tháng

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 31 tháng 05 năm 2017)

Đơn vị báo cáo:

-Sở Tư pháp Khánh Hòa

Đơn vị nhận báo cáo:

-Bộ Tư pháp (Vụ Kế
hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: Lượt người

Phân theo lĩnh vực pháp luật	Tổng số lượt người được trợ giúp pháp lý			Chia theo giới tính		Chia theo đối tượng được trợ giúp pháp lý										
	Tổng số	Trong đó chia theo đối tượng đặc thù		Nữ	Nam	Người nghèo	Người dân tộc thiểu số	Người vừa là người nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số	Người có công với cách mạng	Người già cô đơn không nơi nương tựa	Người khuyết tật	Trẻ em không nơi nương tựa	Nạn nhân theo quy định của PL phòng, chống mua bán người	Người bị nhiễm HIV	Khác	
		Nạn nhân của bạo lực gia đình	Nạn nhân bị xâm hại tình dục													
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
Tổng số	328	0	0	134	194	67	71	11	10	17	4	3	0	0	145	
1	Pháp luật hình sự	34	0	0	10	24	15	7	2	1	3	0	1	0	0	5
1.1	Tư vấn	24	0	0	8	16	5	7	2	1	3	0	1	0	0	5
1.2	Tham gia tố tụng	10	0	0	2	8	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.3	Đại diện ngoài tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.4	Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình	114	0	0	43	71	21	25	5	4	7	2	1	0	0	49
2.1	Tư vấn	110	0	0	41	69	19	25	4	4	6	2	1	0	0	49
2.2	Tham gia tố tụng	3	0	0	1	2	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0
2.3	Đại diện ngoài tố tụng	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
2.4	Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Pháp luật hành chính	91	0	0	42	49	15	18	2	3	4	1	0	0	0	48
3.1	Tư vấn	91	0	0	42	49	15	18	2	3	4	1	0	0	0	48
3.2	Tham gia tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Đại diện ngoài tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Phân theo lĩnh vực pháp luật	Tổng số lượt người được trợ giúp pháp lý			Chia theo giới tính		Chia theo đối tượng được trợ giúp pháp lý										
	Tổng số	Trong đó chia theo đối tượng đặc thù		Nữ	Nam	Người nghèo	Người dân tộc thiểu số	Người vừa là người nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số	Người có công với cách mạng	Người già cô đơn không nơi nương tựa	Người khuyết tật	Trẻ em không nơi nương tựa	Nạn nhân theo quy định của PL phòng, chống mua bán người	Người bị nhiễm HIV	Khác	
		Nạn nhân của bạo lực gia đình	Nạn nhân bị xâm hại tình dục													
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
3.4	Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Các lĩnh vực pháp luật khác	89	0	0	39	50	16	21	2	2	3	1	1	0	0	43
4.1	Tư vấn	89	0	0	39	50	16	21	2	2	3	1	1	0	0	43
4.2	Tham gia tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.3	Đại diện ngoài tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.4	Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;
- Số liệu ước tính Cột 1: 65.6 lượt người

Người lập biểu



Lý Thụy Ý Uyên

Người kiểm tra



Đào Đức Thắng

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 6 năm 2017

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Hạ

Biểu số: 25/BTP/TGPL

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

Sở Tư pháp nhận:

- BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm

- BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

SỐ VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (TGPL)
(Năm 2017)

Kỳ báo cáo: 6 Tháng
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 31 tháng 05 năm 2017)

Đơn vị báo cáo:

- Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: vụ việc

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận			Kết quả Trợ giúp pháp lý						
		Tổng số	Chia ra		Đã hoàn thành				Chuyển đi nơi khác	Chuyển sang kỳ sau	
			Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ	Tổng số	Phân theo người thực hiện					
						Trợ giúp viên pháp lý	Luật sư	Tư vấn viên PL			Cộng tác viên khác
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
Tổng số		328	0	328	318	318	0	0	0	0	10
1	Pháp luật hình sự	34	0	34	27	27	0	0	0	0	7
1.1	Tư vấn	24	0	24	24	24	0	0	0	0	0
-	Trong đó tư vấn tại trụ sở	24	0	24	24	24	0	0	0	0	0
1.2	Tham gia tố tụng	10	0	10	3	3	0	0	0	0	7
-	Trong đó bào chữa	10	0	10	3	3	0	0	0	0	7
1.3	Đại diện ngoài tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.4	Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình	114	0	114	111	111	0	0	0	0	3
2.1	Tư vấn	110	0	110	110	110	0	0	0	0	0
-	Trong đó tư vấn tại trụ sở	110	0	110	110	110	0	0	0	0	0
2.2	Tham gia tố tụng	3	0	3	1	1	0	0	0	0	2
2.3	Đại diện ngoài tố tụng	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận			Kết quả Trợ giúp pháp lý						
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Đã hoàn thành				Chuyển đi nơi khác	Chuyển sang kỳ sau
			Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ		Phân theo người thực hiện					
						Trợ giúp viên pháp lý	Luật sư	Tư vấn viên PL	Cộng tác viên khác		
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2.4	Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Pháp luật hành chính	91	0	91	91	91	0	0	0	0	0
3.1	Tư vấn	91	0	91	91	91	0	0	0	0	0
-	Trong đó tư vấn tại trụ sở	91	0	91	91	91	0	0	0	0	0
3.2	Tham gia tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Đại diện ngoài tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.4	Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Các lĩnh vực pháp luật khác	89	0	89	89	89	0	0	0	0	0
4.1	Tư vấn	89	0	89	89	89	0	0	0	0	0
-	Trong đó tư vấn tại trụ sở	89	0	89	89	89	0	0	0	0	0
4.2	Tham gia tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.3	Đại diện ngoài tố tụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.4	Hình thức khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1: 65.6 vụ việc

Người lập biểu



Lý Thụy Ý Uyên

Người kiểm tra



Đào Đức Thắng

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 6 năm 2017

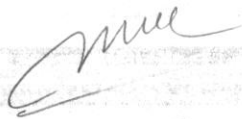
GIÁM ĐỐC



Lê Văn Hạ

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;
- Số liệu ước tính Cột 1:0.....; Cột 9:0.....;

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên, đơn vị công tác)



Nguyễn Ngọc Mai

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

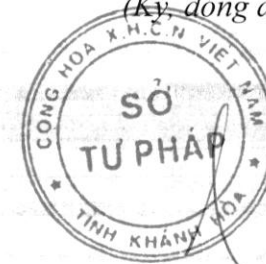


Đào Đức Thắng

Ngày 23 tháng 6 năm 2017

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Hạ

Biểu số 01c/BTP/VĐC/XDPL

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (VBQPPL)
ĐƯỢC SOẠN THẢO, BAN HÀNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH;
SỐ DỰ THẢO VBQPPL DO CƠ QUAN TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA
BÀN TỈNH THẨM ĐỊNH
(6 tháng/năm)**

Kỳ báo cáo: 6 tháng
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 31 tháng 5 năm 2017)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp Khánh Hòa

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)


	Số VBQPPL được chủ trì soạn thảo (bao gồm kỳ trước chuyển sang)			Số VBQPPL đã được ban hành			Số dự thảo VBQPPL được thẩm định						
	Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL		Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL		Số văn bản do Phòng Tư pháp đã thẩm định		Số văn bản do Sở Tư pháp đã thẩm định				
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HDND)	Quyết định của Ủy ban nhân dân (UBND)		Nghị quyết của HDND	Quyết định của UBND	Tổng số	Chia theo tên loại văn bản		Thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của HDND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình	Thẩm định VBQPPL		
								Số Nghị quyết của HDND	Số Quyết định của UBND		Tổng số	Chia theo tên loại văn bản	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)		(12)	(13)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	22	11	11	8	0	8	0	0	0	4	22	11	11
I. Tại cấp tỉnh	22	11	11	8	0	8	-	-	-	4	22	11	11
II. Tại cấp huyện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	-	-
Thành phố Nha Trang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	-	-
Thành phố Cam Ranh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	-	-
Thị xã Ninh Hòa	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
Huyện Vạn Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
Huyện Khánh Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0				

	Số VBQPPL được chủ trì soạn thảo (bao gồm kỳ trước chuyển sang)			Số VBQPPL đã được ban hành			Số dự thảo VBQPPL được thẩm định						
	Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL		Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL		Số văn bản do Phòng Tư pháp đã thẩm định			Số văn bản do Sở Tư pháp đã thẩm định			
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND)	Quyết định của Ủy ban nhân dân (UBND)		Nghị quyết của HĐND	Quyết định của UBND	Tổng số	Chia theo tên loại văn bản		Thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình	Tổng số	Thẩm định VBQPPL	
								Số Nghị quyết của HĐND	Số Quyết định của UBND			Chia theo tên loại văn bản	Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)				
Huyện Khánh Vĩnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
Huyện Cam Lâm	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
Huyện Diên Khánh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	-	-
III. Tại cấp xã	0	0	0	0	0	0	-	-	-	-	-	-	-

Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1:4.....; Cột 4:2.....; Cột 7:0.....; Cột 10: ...1.....; Cột 11:4.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Nguyễn Ngọc Mai

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)


Đào Đức Thắng

..., ngày 23 tháng 6 năm 2014
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)




Lê Văn Hạ

Biểu số 13c/BTP/HTQTCT/HT

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, Đơn vị báo cáo:

KẾT HÔN

Sở Tư pháp.....

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Đơn vị nhận báo cáo:

(6 tháng/năm)

- Bộ Tư pháp.....

Kỳ báo cáo...

(Vụ Kế hoạch - Tài chính)

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2017)

A. KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, KẾT HÔN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) CẤP HUYỆN

Đơn vị tính: Trường hợp

	I. Khai sinh (Chia theo quốc tịch của cha, mẹ)							II. Khai tử							
	Tổng số	Con có cha và mẹ là người nước ngoài			Con có cha hoặc mẹ là người nước ngoài còn người kia là công dân Việt Nam				Tổng số	Người nước ngoài			Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài		
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
			Nam	Nữ		Nam	Nữ				Nam	Nữ		Nam	Nữ
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
Tổng số trên địa bàn tỉnh	92	1	1	0	91	50	41	21	20	16	4	1	1	0	
1. Thành phố Nha Trang	29	1	1	0	28	15	13	16	15	12	3	1	1	0	
2. Thành Phố Cam Ranh	14	0	0	0	14	7	7	2	2	1	1	0	0	0	
3. Thị xã Ninh Hòa	29	0	0	0	29	16	13	2	2	2	0	0	0	0	
4. Huyện Vạn Ninh	13	0	0	0	13	8	5	0	0	0	0	0	0	0	
5. Huyện Diên Khánh	3	0	0	0	3	3	0	1	1	1	0	0	0	0	
6. Huyện Cam Lâm	4	0	0	0	4	1	3	0	0	0	0	0	0	0	
7. Huyện Khánh Vĩnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8. Huyện Khánh Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính dòng Tổng số Cột 1: 18 Cột 8: 4

III. KẾT HÔN

	Số cuộc kết hôn chia theo đối tượng kết hôn (Cặp)					Số người kết hôn chia theo quốc gia/ vùng lãnh thổ của công dân nước ngoài mang quốc tịch/cư trú (người)							Số người kết hôn chia theo giới tính công dân Việt Nam cư trú trong nước (Người)		
	Tổng số	Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với người nước ngoài	Công dân VN cư trú ở trong nước với công dân VN định cư ở nước ngoài	Công dân VN định cư ở nước ngoài với nhau	Người nước ngoài với người nước ngoài	Tổng số	Mỹ	Canada	Trung Quốc (Đại lục)	Trung Quốc (Đài Loan)	Hàn Quốc	Quốc gia/ vùng lãnh thổ khác	Tổng số	Nam	Nữ
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	237	155	81	0	1	193	82	18	0	3	10	80	236	75	161
1. Thành phố Nha Trang	84	62	21	0	1	62	27	9	0	0	1	25	83	7	76
2. Thành Phố Cam Ranh	26	14	12	0	0	26	18	2	0	1	0	5	26	10	16
3. Thị xã Ninh Hòa	49	31	18	0	0	49	16	3	0	0	4	26	49	4	45
4. Huyện Vạn Ninh	40	20	20	0	0	20	9	1	0	0	4	6	40	38	2
5. Huyện Diên Khánh	16	12	4	0	0	16	4	0	0	0	1	11	16	11	5
6. Huyện Cam Lâm	19	15	4	0	0	19	8	2	0	2	0	7	19	5	14
7. Huyện Khánh Vĩnh	1	1	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	1	0	1
8. Huyện Khánh Sơn	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính dòng Tổng số Cột 1: 47

B. KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, KẾT HÔN TRONG NƯỚC TẠI UBND CẤP XÃ

	ĐĂNG KÝ KHAI SINH (Trường hợp)										ĐĂNG KÝ KHAI TỬ (Trường hợp)						ĐĂNG KÝ KẾT HÔN					
	Đăng ký mới										Đăng ký mới						Đăng ký mới					
	Tổng số	Chia theo dân tộc		Chia theo giới tính		Chia theo thời điểm đăng ký					Tổng số	Chia theo độ tuổi			Chia theo thời điểm đăng ký		Tổng số (Cặp)	Trong đó: Kết hôn lần đầu (Cặp)	Tuổi kết hôn trung bình lần đầu (Tuổi)		Đăng ký lại (Cặp)	
		Dân tộc Kinh	Dân tộc khác	Nam	Nữ	Đúng hạn	Quá hạn			Dưới 1 tuổi		Từ 1 tuổi đến dưới 5 tuổi	Từ 5 tuổi trở lên	Đúng hạn	Quá hạn	Nam			Nữ			
Tổng số							Số trẻ em được sinh trong năm báo cáo	Dưới 5 tuổi														
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	11,420	10,512	908	5,994	5,426	9,832	1,588	622	1,077	4,476	3,921	17	26	3,878	3,152	769	65	6,035	5,066	25.7	23.1	69
1.Thành phố Nha Trang	2,554	2,535	19	1,371	1,183	2,167	387	121	266	688	875	1	2	872	775	100	3	1,260	1,129	26.5	24.1	3
2.Thành Phố Cam Ranh	1,074	911	163	567	507	903	171	75	175	217	357	1	17	339	272	85	1	498	453	27.0	23.0	4
3.Thị xã Ninh Hòa	4,104	3,973	131	2,143	1,961	3,661	443	112	215	2,710	1,482	5	6	1,471	1,221	261	58	1,981	1,882	25.0	23.0	46
4.Huyện Vạn Ninh	1,140	1,136	4	624	516	926	214	209	169	211	339	1	1	337	233	106	1	1,098	491	25.8	23.0	6
5.Huyện Diên Khánh	1,006	999	7	498	508	874	132	24	99	265	431	7	0	424	318	113	0	525	463	28.0	24.4	3
6.Huyện Cam Lâm	873	805	68	456	417	766	107	40	67	254	280	1	0	279	234	46	2	443	424	25.7	22.9	1

Biểu số: 17c/BTP/HTQTCT/CT

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**KẾT QUẢ CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) CẤP
XÃ VÀ PHÒNG TƯ PHÁP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(6 tháng/năm)**

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....

đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

I. KẾT QUẢ CHỨNG THỰC TẠI CÁC PHÒNG TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

A	B	Chứng thực bản sao		Số việc chứng thực							
				Tổng số		Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản		Chứng thực chữ ký người dịch		Chứng thực hợp đồng, giao dịch	
		Số bản (Bản)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng số	Thực hiện	5,460	25,616,000	18,024	181,080,000	126	1,260,000	17,877	178,770,000	21	1,050,000
	Ước tính	1,092	5,123,200	3,605	36,216,000	25	252,000	3,575	35,754,000	4	210,000
Phòng Tư pháp Nha Trang	Thực hiện	2,328	12,630,000	16,704	167,040,000	37	370,000	16,667	166,670,000	0	0
	Ước tính	466	2,526,000	3,341	33,408,000	7	74,000	3,333	33,334,000	0	0
Phòng Tư pháp Cam Ranh	Thực hiện	219	1,641,000	1,099	11,510,000	37	370,000	1,049	10,490,000	13	650,000
	Ước tính	44	328,200	220	2,302,000	7	74,000	210	2,098,000	3	130,000
Phòng Tư pháp Ninh Hòa	Thực hiện	225	424,000	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ước tính	45	84,800	0	0	0	0	0	0	0	0
Phòng Tư pháp Vạn Ninh	Thực hiện	68	136,000	162	1,780,000	12	120,000	146	1,460,000	4	200,000
	Ước tính	14	27,200	32	356,000	2	24,000	29	292,000	1	40,000
Phòng Tư pháp Diên Khánh	Thực hiện	1,902	8,264,000	26	260,000	26	260,000	0	0	0	0
	Ước tính	380	1,652,800	5	52,000	5	52,000	0	0	0	0
Phòng Tư pháp Cam Lâm	Thực hiện	540	1,854,000	23	230,000	8	80,000	15	150,000	0	0
	Ước tính	108	370,800	5	46,000	2	16,000	3	30,000	0	0
Phòng Tư pháp Khánh Vĩnh	Thực hiện	103	395,000	4	200,000	0	0	0	0	4	200,000
	Ước tính	21	79,000	1	40,000	0	0	0	0	1	40,000
Phòng Tư pháp Khánh Sơn	Thực hiện	75	272,000	6	60,000	6	60,000	0	0	0	0
	Ước tính	15	54,400	1	12,000	1	12,000	0	0	0	0

II. KẾT QUẢ CHỨNG THỰC TẠI CÁC UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

		Chứng thực bản sao		Số việc chứng thực					
				Tổng số		Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản		Chứng thực hợp đồng, giao dịch	
		Số bản (Bản)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng số	Thực hiện	390,472	2,813,361,500	29,134	477,440,000	23,274	232,740,000	5,860	244,700,000
	Ước tính	78,094	562,672,300	5,827	95,488,000	4,655	46,548,000	1,172	48,940,000
1. Thành phố Nha Trang	Thực hiện	173,311	1,273,415,000	9,653	102,490,000	9,504	95,040,000	149	7,450,000
	Ước tính	34,662	254,683,000	1,931	20,498,000	1,901	19,008,000	30	1,490,000
2. Thành phố Cam Ranh	Thực hiện	23,338	265,836,500	1,618	39,420,000	1,037	10,370,000	581	29,050,000
	Ước tính	4,668	53,167,300	324	7,884,000	207	2,074,000	116	5,810,000
3. Thị xã Ninh Hòa	Thực hiện	69,911	259,439,000	6,911	128,150,000	5,435	54,350,000	1,476	73,800,000
	Ước tính	13,982	51,887,800	1,382	25,630,000	1,087	10,870,000	295	14,760,000
4. Huyện Vạn Ninh	Thực hiện	42,725	206,337,000	8,266	119,840,000	6,129	61,290,000	2,137	58,550,000
	Ước tính	8,545	41,267,400	1,653	23,968,000	1,226	12,258,000	427	11,710,000
5. Huyện Diên Khánh	Thực hiện	38,606	624,732,000	1,617	50,490,000	759	7,590,000	858	42,900,000
	Ước tính	7,721	124,946,400	323	10,098,000	152	1,518,000	172	8,580,000
6. Huyện Cam Lâm	Thực hiện	25,511	120,690,000	675	23,350,000	260	2,600,000	415	20,750,000
	Ước tính	5,102	24,138,000	135	4,670,000	52	520,000	83	4,150,000
7. Huyện Khánh Vĩnh	Thực hiện	9,439	42,861,000	266	8,300,000	125	1,250,000	141	7,050,000
	Ước tính	1,888	8,572,200	53	1,660,000	25	250,000	28	1,410,000
8. Huyện Khánh Sơn	Thực hiện	7,631	20,051,000	128	5,400,000	25	250,000	103	5,150,000
	Ước tính	1,526	4,010,200	26	1,080,000	5	50,000	21	1,030,000

Ghi chú: Cột (7) Phần II: Huyện Vạn Ninh có 966 việc chứng thực hợp đồng, giao dịch do UBND cấp xã chứng thực miễn thu phí theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Hoàng Thị Mỹ Hạnh

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Đào Đức Thắng

Khánh Hòa, ngày 3 tháng 6 năm 2017

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Lê Văn Hạ

Huyện Diên Khánh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
------------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;
- Số liệu ước tính Cột 1:1.....; Cột 9:0.....;

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên, đơn vị công tác)

[Handwritten signature]
 Nguyễn Ngọc Mai

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

[Handwritten signature]
 Đào Đức Thắng

Ngày 23 tháng 6 năm 2017

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



[Handwritten signature]
 Lê Văn Hạ

Biểu số 23b/BTP/ĐKQGGDBĐ
Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

***Sở Tư pháp nhận:**

BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm
BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm
BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

***Bộ Tư pháp nhận:**

BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm
BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ, CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ
GIAO DỊCH BẢO ĐẢM BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG
ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT
(6 tháng, năm)**

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm, năm 2016
(Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016)

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp Khánh Hòa

Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ Kế hoạch - Tài chính

	Đăng ký giao dịch bảo đảm (Đơn)					Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (Đơn)	Trường hợp không phải nộp lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm (Trường hợp)
	Tổng số	Chia ra					
Đăng ký giao dịch bảo đảm		Đăng ký thay đổi	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm (nếu có)	Xóa đăng ký	(6)	(7)	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Số thụ lý	18,533	12,297	230	1	6,005	18	286
Số được giải quyết	18,533	12,297	230	1	6,005	18	286

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính về Số thụ lý: Cột (1): 3,707 Cột (6): 4

- Số được giải quyết: Cột (1): 18,533 Cột (6): 18

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Hoàng Thị Mỹ Hạnh

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Đào Đức Thắng

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 6 năm 2017

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Lê Văn Hạ

11 10 15

Biểu số: 22c/BTP/CN/TN

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ A12 NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC
TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH**

(6 tháng/năm)

Kỳ báo cáo:

(Từ ngày... tháng... năm...

đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: Người

A	Tổng số	Chia theo độ tuổi của trẻ em được nhận làm con nuôi						Chia theo tình trạng sức khỏe của trẻ em được nhận làm con nuôi		Chia theo nơi cư trú của trẻ em trước khi được nhận làm con nuôi		
		Dưới 01 tuổi		Từ 01 đến dưới 5 tuổi		Từ 5 tuổi trở lên		Bình thường	Trẻ em có nhu cầu đặc biệt	Cơ sở nuôi dưỡng	Gia đình	Nơi khác
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
Tổng số trên địa bàn tỉnh	18	7	2	2	3	2	2	17	1	1	13	4
1. Thành phố Nha Trang	6	3	1	0	1	1	0	5	1	1	4	1
2. Thành Phố Cam Ranh	2	0	0	0	1	1	0	2	0	0	2	0
3. Thị xã Ninh Hòa	4	2	0	1	0	0	1	4	0	0	4	0
4. Huyện Vạn Ninh	1	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0
5. Huyện Diên Khánh	2	0	0	1	0	0	1	2	0	0	0	2
6. Huyện Cam Lâm	2	2	0	0	0	0	0	2	0	0	1	1
7. Huyện Khánh Vĩnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8. Huyện Khánh Sơn	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1: 4

Người lập biểu

(Ký và ghi rõ họ, tên)


Hoàng Thị Mỹ Hạnh

Người kiểm tra

(Ký và ghi rõ họ, tên, chức vụ)


Đào Đức Thắng

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 6 năm 2017

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Lê Văn Hạ

Biểu số 21/BTP/LLTP

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

- BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm
- BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

SỐ NGƯỜI CÓ LÝ LỊCH TƯ PHÁP
(6 tháng/ năm)

Kỳ báo cáo: 6 tháng
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp
(Vụ Kế hoạch - Tài
chính)

Đơn vị tính: Người

Số công dân Việt Nam có Lý lịch tư pháp (LLTP)				Số người nước ngoài có LLTP			
Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
	Nam	Nữ	Không có thông tin về giới tính		Nam	Nữ	Không có thông tin về giới tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
678	93	9	576	0	0	0	0

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính: Cột 1: 136

Cột 5: 0

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Hoàng Chi Mỹ Hạnh

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Đào Đức Thắng

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 6 năm 2017

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Lê Văn Hạ

Biểu số 20a/BTP/LLTP

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP

ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

- BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm

- BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

**SỐ LƯỢNG THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP
NHẬN ĐƯỢC VÀ XỬ LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(6 tháng/năm)**

Kỳ báo cáo: 6 tháng

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế
hoạch - Tài chính)

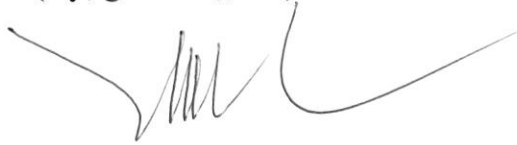
Đơn vị tính: Thông tin

Số lượng thông tin lý lịch tư pháp (LLTP) nhận được								Số lượng thông tin LLTP chia theo khâu xử lý						
Tổng số	Chia theo cơ quan cung cấp							Tiếp nhận, kiểm tra, phân loại			Lập LLTP, cập nhật bổ			
	Tòa án các cấp		Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh	Cơ quan Công an cấp huyện	Cơ quan Thi hành án dân sự	Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia	Tòa án quân sự Trung ương và các cơ quan khác	Tổng số	Chia ra		Chưa kiểm tra, phân loại	Tổng số	Chia ra	
	Thông tin về án tích	Thông tin về cảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX							Đã tiếp nhận, kiểm tra, phân loại				Đã lập LLTP, cập nhật bổ sung	Chưa lập LLTP, cập nhật bổ sung
Tổng số			Trong đó: cung cấp cho Trung tâm LLTPQG, Sở Tư pháp tỉnh khác	Tổng số	Tổng số									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
3,862	2,284	0	0	99	1,084	384	11	3,862	3,862	349	0	3,513	1,138	2,375

*- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính: Cột 1: 772 Cột 9: 772 Cột 10: 772 Cột 13: 703 Cột 14: 228

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Hoàng Thị Mỹ Hạnh

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Đào Đức Thắng

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 6 năm 2017
GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Lê Văn Hạ

Biểu số 19/BTP/LLTP

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP

ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

- BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm
- BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

SỐ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐÃ CẤP**(6 tháng/năm)**

Kỳ báo cáo: 6 tháng

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017)**Đơn vị báo cáo:**

Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)


Đơn vị tính: Phiếu

SỐ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 1 ĐÃ CẤP									SỐ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 2 ĐÃ CẤP							
Tổng số	Chia theo đối tượng yêu cầu cấp			Chia theo nội dung xác nhận về án tích		Trong đó: Xác nhận thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX			Tổng số	Chia theo đối tượng yêu cầu cấp			Chia theo nội dung xác nhận về tình trạng án tích		Chia theo nội dung xác nhận thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX	
	Công dân Việt Nam	Người nước ngoài	Cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội	Không có án tích	Có án tích	Tổng số	Không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX	Bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX		Công dân Việt Nam	Người nước ngoài	Cơ quan tiến hành tố tụng	Không bị kết án	Bị kết án	Không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX	Bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1178	1112	66	0	1178	0	1178	1178	0	1478	1472	6	0	1478	0	1478	0

* - Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính: Cột 1: 236 Cột 10: 296

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Hoàng Thị Mỹ Hạnh

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Đào Đức Thắng

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 6 năm 2017

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)




Lê Văn Hạ

Biểu số: 12d/BTP/PBGDPL/HGCS

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(6 tháng, năm)**

Kỳ báo cáo: 6 tháng
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp Khánh Hòa

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài
chính)

Đơn vị tính: vụ việc

	Tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải (bao gồm số vụ chưa giải quyết xong kỳ trước chuyển sang)	Kết quả hòa giải					
		Số vụ việc hòa giải thành	Số vụ việc hòa giải không thành				Số vụ việc chưa giải quyết xong
			Tổng số	Chia ra			
				Mâu thuẫn giữa các bên	Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình	Vụ việc khác thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	473	414	55	31	21	3	4
TP. Nha Trang	85	51	32	17	15	0	2
TP. Cam Ranh	22	18	4	1	2	1	0
Thị xã Ninh Hòa	200	196	4	3	0	1	0
Huyện Diên Khánh	48	47	1	0	1	0	0
Huyện Vạn Ninh	36	34	0	0	0	0	2
Huyện Cam Lâm	28	17	11	10	0	1	0

	Tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải (bao gồm số vụ chưa giải quyết xong kỳ trước chuyển sang)	Kết quả hòa giải					Số vụ việc chưa giải quyết xong
		Số vụ việc hòa giải thành	Số vụ việc hòa giải không thành			Số vụ việc chưa giải quyết xong	
			Tổng số	Chia ra			
				Mâu thuẫn giữa các bên	Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Huyện Khánh Vĩnh	44	41	3	0	3	0	0
Huyện Khánh Sơn	10	10	0	0	0	0	0

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính Cột 2:....

83

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên)



Nguyễn Phương Bắc

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Đào Đức Thắng

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 6 năm 2017

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Lê Văn Hạ

Biểu số: 10b/BTP/PBGDPLBan hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016**Ngày nhận báo cáo (BC):**

BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ
BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (PBGDPL)
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH****(6 tháng, năm)**

Kỳ báo cáo: 6 tháng

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017

đến ngày 30 tháng 6 năm 2017)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp Khánh Hòa

Đơn vị nhận báo cáo:Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài
chính)

	Phổ biến pháp luật trực tiếp		Thi tìm hiểu PL		Số tài liệu PBGDPL được phát hành miễn phí (<i>Bản</i>)		Số lần phát sóng chương trình PBGDPL trên đài truyền thanh xã (<i>lần</i>)	Số lượng tin bài về pháp luật được đăng tải, phát trên phương tiện thông tin đại chúng (<i>Tin, bài</i>)
	Số cuộc (<i>Cuộc</i>)	Số lượt người tham dự (<i>Lượt người</i>)	Số cuộc thi (<i>Cuộc</i>)	Số lượt người dự thi (<i>Lượt người</i>)	Tổng số	Trong đó tiếng dân tộc thiểu số		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	1727	108028	59	14854	35591	19754	11608	2690
I. Sở Tư pháp	15	1150	0	0	500	0	0	190
II. Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh	335	30649	10	7890	23850	19705	0	414
Sở Nội vụ	15	1234	0	0	0	0	-	0
Sở Y tế	5	4012	0	0	0	0	0	121
Sở Ngoại vụ	9	234	0	0	350	0	0	21
Sở Tài chính	8	590	0	0	0	0	0	0
Sở Khoa học và CN	3	231	0	0	240	0	0	62
Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	130	0	0	0	0	0	0
Sở Công thương	71	1423	0	0	3500	1750	0	0
Sở Tài nguyên và MT	2	890	1	3120	0	0	0	3
Trường Cao đẳng Y tế	3	3200	0	0	0	0	0	0
Sở Văn hóa và Thể thao	2	130	0	0	100	0	0	0

	Phổ biến pháp luật trực tiếp		Thi tìm hiểu PL		Số tài liệu PBGDPL được phát hành miễn phí (Bản)		Số lần phát sóng chương trình PBGDPL trên đài truyền thanh xã (lần)	Số lượng tin bài về pháp luật được đăng tải, phát trên phương tiện thông tin đại chúng (Tin, bài)
	Số cuộc (Cuộc)	Số lượt người tham dự (Lượt người)	Số cuộc thi (Cuộc)	Số lượt người dự thi (Lượt người)	Tổng số	Trong đó tiếng dân tộc thiểu số		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Sở Xây dựng	6	350	0	0	50	0	0	0
Cục Thống kê	3	120	2	120	0	0	0	0
Sở Thông tin và Truyền thông	3	750	0	0	0	0	0	153
Cục Thuế	90	1750	5	300	0	0	0	15
Trường Chính trị tỉnh	23	1760	0	0	10	5	0	5
Kho bạc Nhà nước tỉnh	22	275	0	0	0	0	0	0
Ban Dân tộc	12	4200	0	0	0	0	0	0
Sở Giao thông và Vận tải	22	3400	0	0	600	350	0	5
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	25	1370	0	0	17500	17500	0	27
Hội Phụ nữ tỉnh	5	3500	1	1700	1500	100	0	1
Thanh tra tỉnh	2	320	1	2650	0	0	0	0
Công an tỉnh	2	780	0	0	0	0	0	1
III. Trên địa bàn huyện	1377	76229	49	6964	11241	49	11608	2086
TP. Nha Trang	180	16158	0	0	6931	0	1546	20
TP. Cam Ranh	120	7890	0	0	415	0	882	1200
Thị xã Ninh Hòa	770	33413	32	6634	0	0	3398	2
Huyện Diên Khánh	30	1668	1	25	743	0	1063	8

	Phổ biến pháp luật trực tiếp		Thi tìm hiểu PL		Số tài liệu PBGDPL được phát hành miễn phí (Bản)		Số lần phát sóng chương trình PBGDPL trên đài truyền thanh xã (lần)	Số lượng tin bài về pháp luật được đăng tải, phát trên phương tiện thông tin đại chúng (Tin, bài)
	Số cuộc (Cuộc)	Số lượt người tham dự (Lượt người)	Số cuộc thi (Cuộc)	Số lượt người dự thi (Lượt người)	Tổng số	Trong đó tiếng dân tộc thiểu số		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Huyện Vạn Ninh	60	4185	1	45	1405	0	2702	32
Huyện Cam Lâm	52	2539	0	0	1543	0	569	810
Huyện Khánh Vĩnh	60	3232	6	54	41	23	1105	14
Huyện Khánh Sơn	105	7144	9	206	163	26	343	0

+ Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm

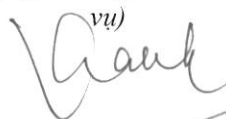
- Số liệu ước tính Cột 1: 345; Cột 3: 12; Cột 5: 7118 ; Cột 7: 2322; Cột 8: 538

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Nguyễn Phương Bắc

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

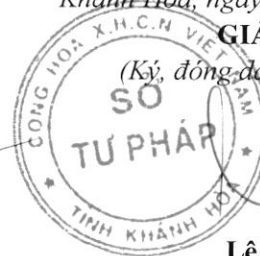


Đào Đức Thắng

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 6 năm 2017

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Lê Văn Hạ

